



EXIMBANK

NGÂN HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

7 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

☎ (84-8) 3821 0055

☎ (84-8) 3829 6063

Telex: 812690 EIB.VT

Swift: EBVIVNVX

CALL CENTER
(00) 39.15.15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 27 tháng 04 năm 2011

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011 (ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ 26)

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định hoạt động năm 2010 của Ban Kiểm soát
Trình Đại hội đồng cổ đông lần thứ 26**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank);
- Căn cứ quy chế Quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết;
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Ngân hàng, kết quả Kiểm toán nội bộ, kết quả kiểm toán độc lập của Công ty Kiểm toán Ernst & Young, và kết quả giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông lần thứ 26 như sau:

I. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2010:

1. Nhận xét về báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm tra Báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng Eximbank năm 2010 và xác nhận kết quả như sau:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Các báo cáo trong Báo cáo tài chính năm 2010 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2010, và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010 là phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

2. Về tài sản và nguồn vốn:

CHỈ TIÊU	Đvt: Triệu đồng	
	Tại ngày 31.12.2010	Tại ngày 31.12.2009
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6.429.465	6.838.617
Tiền gửi tại NHNN	1.540.756	2.115.265
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	32.110.540	6.976.109
Chứng khoán kinh doanh	-	98.824
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	16.848	4.122
Cho vay khách hàng	61.717.617	38.003.086
<i>Cho vay khách hàng</i>	62.345.714	38.381.855
<i>DP rủi ro cho vay khách hàng</i>	(628.097)	(378.769)
Chứng khoán đầu tư	20.694.745	8.401.391
Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.295.493	766.468
Tài sản cố định	1.067.579	937.558
Tài sản có khác	6.237.839	1.306.916
TỔNG TÀI SẢN CÓ	131.110.882	65.448.356

NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Các khoản nợ chính phủ và NHNN	2.105.848	1.611.075
Tiền gửi và vay các TCTD khác	33.369.593	2.527.654
Tiền gửi của khách hàng	58.150.665	38.766.464
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.417	6.376
Phát hành giấy tờ có giá	20.854.784	8.223.028
Các khoản nợ khác	3.117.835	960.439
Tổng nợ phải trả	117.600.142	52.095.037
Vốn chủ sở hữu	13.510.740	13.353.319
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	10.560.069	8.800.080
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CSH	131.110.882	65.448.356

3. Về thu nhập - chi phí và kết quả kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Đvt: Triệu đồng	
	Năm 2010	Năm 2009
Thu nhập thuần từ lãi	2.882.935	1.975.308
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	474.247	211.181

